

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH QUYỂN THÁNH KINH (3)

TÂN ƯỚC

“Thực vậy, sau khi Chúa về trời, những gì Người đã nói, đã làm thì các Tông đồ, sau khi đã được hiểu biết cách đầy đủ hơn – sự hiểu biết mà chính các ngài hưởng thụ được nhờ các biến cố vinh hiển của Chúa Kitô và ánh sáng của Thần Chân Lý – các ngài đã truyền lại cho những ai nghe các ngài. Phần các thánh sử đã viết bốn Phúc Âm: các ngài chọn một ít trong số chất liệu được truyền lại bằng miệng hay bằng sách vở, tóm tắt một số khác hay tùy hoàn cảnh của các Giáo Hội mà giải thích thêm, nhưng vẫn giữ hình thức bài giảng thuyết và như vậy để luôn chân thành truyền đạt cho chúng ta những điều chân thật về Chúa Giêsu. Thực vậy, dựa trên trí nhớ hay kỷ niệm riêng tư, hoặc dựa trên chứng tá của những người “đã chứng kiến từ buổi đầu và trở nên thừa tác viên của Lời Chúa”, các thánh sử đã viết các sách Phúc Âm với mục đích giúp chúng ta nhận biết rằng các lời mà chúng ta đã nghe dạy dỗ đều là “chân thật” [x.Lc 1,2-4]” (DV 19)

Ngoài bốn Phúc Âm, danh sách Tân Ước còn ghi lại các thư thánh Phaolô và những bút tích khác của các Tông đồ đã được viết dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần. Các bút tích này, theo ý định khôn ngoan của Thiên Chúa chứng thực những gì đã được nói về Chúa Kitô, trình bày giáo lý đích thực của Người ngày một rõ ràng hơn, rao truyền sức mạnh cứu độ của công trình thần linh của Chúa Kitô, và kể lại những bước đầu, sự bành trướng kỳ diệu cùng tiên báo sự kết thúc vinh hiển của Giáo Hội.” (DV 20).

GHI CHÚ QUAN TRỌNG

Trước khi nghiên cứu các sách Tân Ước, chúng ta phải nhìn lại những thực tế, dù có phũ phàng nhưng vẫn là sự thật. Trong thế kỷ XX vừa qua, khoa Thánh Kinh đã ghi nhận những điểm như sau:

1. Nhân loại không giữ được một dòng chữ hay bút tích do chính tay Đức Giêsu viết ra. Người có viết một lần nhưng viết trên cát (Ga 8,6).
2. Tất cả tường trình về cuộc đời, về lời rao giảng, về phép lạ, cái chết thập giá và phục sinh của Người đều do người khác viết, hoặc là các Tông đồ hay môn đệ của các ngài, là những chứng nhân tai nghe mắt thấy, hoặc là môn đệ của các Tông đồ thuộc thế hệ thứ hai.
3. Không có bài tường trình nào được viết trước ngày Chúa phục sinh.
4. Tất cả những tường trình về Đức Giêsu thành Nazareth mà chúng ta đọc được ngày hôm nay, đều được viết sau vài thập niên từ khi Chúa lên trời.
5. Các lời nói của Đức Giêsu – ngay cả những lời rất quan trọng như lời truyền phép trong Bí tích Thánh Thể – được lưu truyền rất khác nhau trong các tác phẩm Tân Ước.
6. Về cách nói diễn đạt và từ ngữ sử dụng của Chúa Giêsu trong Phúc Âm thánh Gioan khác hẳn với Chúa Giêsu trong các Phúc Âm Nhất Lãm. Người ta có lý mà nói rằng các lời của Đức Giêsu trong Phúc Âm thánh Gioan không mang tính Giêsu (jesuanisch) cho bằng mang tính Gioan (johanneisch).
7. Ngày hôm nay, các lời của Đức Giêsu trong Tân Ước đều được chuyển đạt bằng tiếng Hy Lạp. Chúng ta biết Đức Giêsu thành Nazareth sử dụng ngôn ngữ Galilê-Aram, nên các lời trong Tân Ước đã qua một lần dịch. Điều chúng ta thắc mắc khi dịch tiếng Aram sang tiếng Hy Lạp, tức là từ một môi trường này sang một môi trường khác, tinh thần khác, nhất là cách diễn đạt cũng như có những nội dung từ ngữ khác, thì mặc khải từ nơi Đức Giêsu có còn nguyên vẹn nữa hay không?
8. Khoa Thánh Kinh ngày nay cũng nhắc nhở chúng ta rằng các lời nói của Đức Giêsu thành Nazareth được các Tông đồ lưu truyền cũng đã có những đậm vá và triển khai. Qua việc thay đổi thánh giả, qua việc

ngày Quang lâm chậm trễ, nhất là các “khung” qua đó các thánh sử đặt những lưu truyền và lời nói của Đức Giêsu, đã có những điểm nhấn mới hơn là câu nói nguyên thủy của Đức Giêsu thành Nazareth.

Qua các điểm trên, câu hỏi được nêu lên là những gì hiện chúng ta đang có trong tay qua quyển Tân Ước có phải đúng là lời nguyên thủy của Đức Giêsu thành Nazareth hay không? Sứ điệp của Người đến tay chúng ta có thay đổi gì không?

1. Cuộc khủng hoảng nào tiên của công nhân tiên khởi nào diễn ra qua việc Chúa nên chầu:

- Cộng đoàn tiên khởi nằm trong sự phấn khởi Chúa sắp đến để mang họ về với Người, như Người đã hứa. Chính Người đã bảo: “Thầy bảo thật anh em: anh em chưa đi hết các thành của Israel, thì Con Người đã đến” (Mt 10,23) (Naherwartung). Vì sự cận kề này mà mọi người chỉ biết cầu nguyện, sẵn sàng, bán hết của cải đặt dưới chân các Tông đồ và chia nhau ăn: “Họ đem bán đất đai của cải, lấy tiền chia cho mỗi người tùy theo nhu cầu”. Thánh Phaolô cũng sống trong tình trạng chờ đợi như thế: “Thưa anh em, tôi xin nói với anh em điều này: thời gian chẳng còn bao lâu. Vậy từ nay những người có vợ hãy sống như không có... Vì bộ mặt thế gian này đang biến đi” (1 Cr 7,29-31).
- Ngày Quang lâm của Chúa vẫn chưa đến. Khủng hoảng bắt đầu khi thời gian cứ trôi, tiền ăn cũng đã hết. Phải trở về với đời sống bình thường, nhưng vẫn phải chờ đợi.
- Khủng hoảng lại đến khi các Tông đồ của Chúa, những chứng nhân tai nghe mắt thấy, đụng chạm đến Chúa, sống với Người. Họ là những người còn nắm giữ được lời cứu độ, nay họ lần lượt qua đời. Thời gian quang lâm vẫn chưa đến.
- Thế hệ thứ hai bắt đầu. Người ta lo sợ các lời cứu độ của Đức Kitô sẽ mai một đi khi thế hệ thứ nhất biến khỏi thế giới. Thế là phải sưu tầm lại. Thế hệ thứ hai, vì cuộc chậm trễ của ngày quang lâm, sợ lời cứu độ bị mai một nên đã ra sức tìm và ghi chú lại. Quyển Tân Ước ra đời.
- Cùng với sách Tân Ước là phẩm trật Hội Thánh: những người có trách nhiệm qui định Kinh Bộ, bảo quản và rao giảng lời Chúa và nhất là luôn phải trình bày, giải thích để không có lạc giáo đi vào Hội Thánh. Phải bảo vệ tính nguyên thủy và cứu độ của lời Đức Giêsu Kitô.

Vì lời hứa quang lâm cận kề, không ai chú ý đến việc ghi chú lại sứ điệp cứu độ của Đức Giêsu thành Nazareth. Và khi ngày quang lâm càng ngày càng xa vời và nhất là khi thế hệ thứ nhất lần lượt qua đời, thế hệ thứ hai mới bắt đầu sưu tập các ghi chép hay lưu truyền làm tài liệu cho các sách Tân Ước sau này.

2. Yếu tố nào của tài liệu Tân Ước

Để có thể đọc đúng Thánh Kinh, chúng ta phải tìm hiểu ý định của các vị soạn thảo Tin Mừng. Các người rao giảng cũng như các tác giả biên soạn Tân Ước không bao giờ có ý định viết tiểu sử của Đức Giêsu hay ghi thành tài liệu cho các lời rao giảng của Người. Đương nhiên khi trình bày cuộc sống và sứ điệp của Đức Giêsu, các tác giả vẫn phải vẽ lại khung địa lý và lịch sử, nhưng trọng tâm của họ chính là **Evangelium – Tin Mừng**. Vậy Tin Mừng là gì?

Tin Mừng là một văn bản tuyên xưng và rao giảng, một mặt xuất phát từ cảm nghiệm sâu xa về Đức Kitô trong hiện sinh và niềm tin của người tín hữu, mặt khác bản văn muốn gọi cho người nghe hay người đọc về sự kiện Đức Giêsu thành Nazareth, để lời rao giảng đi sâu, soi rọi cuộc hiện sinh, đưa họ đến một định hướng mới cho cuộc đời và mục đích nhờ gặp gỡ chính Đức Kitô. Lịch sử Đức Giêsu trong Tân Ước luôn luôn là các câu chuyện về Đức Kitô. Đó là những công bố tôn giáo, đặt người nghe vào **Krisis**, nghĩa là giây phút chọn lựa quyết định, đón nhận Đức Kitô hay phủ nhận

Người. Vì chúng ta tin vào lời Đức Giêsu: “Ai tin vào Con của Người, thì không bị lên án; nhưng kẻ không tin, thì bị lên án rồi, vì đã không tin vào danh của Con Một Thiên Chúa” (Ga 3,18). Như thế có thể nói, Phúc Âm không trình bày tiểu sử hay lịch sử Đức Giêsu thành Nazareth theo nghĩa khoa học ngày nay, nhưng như môn đệ của các ngôn sứ trong Cựu Ước, đã trình bày lại sử điệp của thầy mình. Các tác giả Thánh Kinh viết để tuyên xưng đức tin của mình, củng cố đức tin của anh em và rao giảng cho những người chưa quen biết, để họ cũng được ơn Cứu Độ.

Trước khi bước tới chúng ta nhìn lại để thấy rằng:

- a. Sử điệp của Đức Giêsu Kitô được rao giảng trong thế hệ thứ nhất;
- b. Sau một thời gian dài (Thánh Phaolô viết những dòng chữ đầu tiên khoảng năm 50), thế hệ thứ hai sợ những lời rao giảng của thế hệ thứ nhất mai một, nên bắt đầu sưu tập.
- c. Người sưu tập không phải ghi bản văn từng trình vô hồn, nhưng ông có một ý định trình bày Đức Giêsu theo quan niệm của ông; quan niệm về con người Đức Giêsu và công trình cứu độ của Người. Mỗi nhà sưu tập đều có cái nhìn thần học riêng của mình.
- d. Nhà sưu tập mà người ta thường gọi là Thánh sử, viết Phúc Âm dựa theo các tài liệu là ký ức các Tông đồ, sưu tập của các cộng đoàn ...Nhưng điều cơ bản là ông viết cho ai? Thành phần thuở ban đầu của Kitô giáo gồm có: Judeo-Christen; Helleno-Christen và Pagano-Christen. Nếu một cộng đoàn quá xa lạ với phong tục Do Thái, ông phải chú thích, cắt nghĩa cho họ hiểu thái độ của Đức Giêsu.
- e. Thánh sử không những viết cho cộng đoàn ông muốn nhắm tới, ông còn phải chú tâm đến hoàn cảnh của cộng đoàn đó, những nhu cầu cần khuyến khích, cần động viên, cần an ủi...Nhất là Kitô giáo từ đầu đã bị bách hại trên xứ Do Thái, sau đó là trên toàn đế quốc La Mã, kéo dài đến năm 313. Tất cả những điều này phải là hậu cảnh cho quyển Phúc Âm của từng tác giả, mà muốn hiểu thấu đáo, chúng ta cần phải tra cứu lại. Lời nguyên thủy của Đức Giêsu thành Nazareth cũng được nhấn mạnh theo nhu cầu của cộng đoàn.

I. CỘNG ĐOÀN TIÊN KHỞI

Giữa cuộc đời tại thế của Đức Giêsu thành Nazareth cho đến thời gian có bản văn Tân Ước là một khoảng thời gian dài độ 30 năm. Trong khoảng thời gian này, chúng ta thấy có 3 giai đoạn:

- ✓ Thời gian đầu tiên của Đức Giêsu thành Nazareth lịch sử nói với các Tông đồ và môn đệ;
- ✓ Thời gian thứ hai từ lời rao giảng của các Tông đồ bước sang niềm tin và phụng vụ của cộng đoàn tiên khởi;
- ✓ Thời gian ba từ ký ức tôn giáo và cuộc sống của cộng đoàn tiên khởi đến việc trữ tác thành văn cuối cùng.

Với một thời gian như thế, khó mà một người có thể nhớ lại các kỷ niệm của mình, nhưng chúng ta xác tín vào ký ức của cộng đoàn tiên khởi, một mặt họ biết rõ lời của Đức Kitô là một lời cứu độ, có giá trị vượt không gian và thời gian, nên ngay từ đầu đã có một sự kính cẩn để gìn giữ cho bản thân và cho đồng đạo cũng như dùng để rao giảng. Mặt khác, chính lời của Đức Giêsu khi còn tại thế đã hứa: “Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần, Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với anh em” (Ga 14,26). Chính lời hứa của Đức Giêsu Kitô làm cho chúng ta xác tín vào sự lưu truyền của Hội Thánh, vì sự lưu truyền này nằm dưới tác động của Chúa Thánh Thần và sự bảo đảm của chính Đức Kitô.

Trước khi chúng ta đi vào quá trình phát triển quyền Tân Ước (cuộc hình thành chỉ kéo dài độ 100 năm so với 1000 năm của Cựu Ước), có hai vấn đề cần phải chú ý, vì có sự thay đổi nội dung của Tân Ước.

A. MONG CHỜ NGÀY QUANG LÂM VÀ SỰ THẤT VỌNG

Chúng ta đã thấy bên trên về việc mong chờ ngày Quang lâm này. Chính lời của Đức Giêsu đã làm cho mọi người phấn khởi mong chờ Chúa đến rước họ về trời. Nguyên chuyện Phục sinh của Chúa cũng được xem là khởi điểm của ngày tận thế. “Kẻ chết chỉ sống lại trong ngày tận thế” đó là niềm tin của người Do Thái (Ga 11,24). Nhất là các lời như: “Anh em chưa đi hết các thành Israel, thì Con Người đã đến” (Mt 10,23); “Tôi bảo thật các người: trong số những người có mặt ở đây, có những kẻ sẽ không phải nếm sự chết, trước khi thấy Triều Đại Thiên Chúa đến, đầy uy lực” (Mc 9,1)...Nếu Chúa sắp đến để đem chúng ta lên trời, thì còn cần gì nữa? “Anh em phải coi chừng, phải tỉnh thức, vì anh em không biết khi nào thời ấy đến...Điều Thầy nói với anh em đây, Thầy cũng nói với hết thảy mọi người là: phải canh thức !” (Mc 13,30-37). Nếu đã như thế, cần gì phải ngồi lại để chép sách vở, cần gì phải làm việc để kiếm tiền, cần gì phải có giáo phẩm...thánh Phaolô dạy: “Thời gian chẳng còn bao lâu nữa; vậy từ nay, những người có vợ hãy sống như không có...” (1 Cr 7,29). Đó là tình trạng ban đầu của cộng đoàn tiên khởi. Nếu các người lãnh đạo cộng đoàn có biên thư như thánh Phaolô thì cũng để khuyến khích, động viên, cảnh cáo, chứ không cố ý kéo dài thời gian.

Thời gian cứ trôi, 10 năm, rồi 20 năm, rồi 30 năm...Cuộc khủng hoảng rơi xuống giáo đoàn. Chính thánh Phêrô cũng phải sống thời kỳ này và ngài đã tìm lời củng cố giáo đoàn: “*Trước tiên, anh em hãy biết điều này: trong những ngày sau hết, sẽ xuất hiện những kẻ nhạo báng chê cười, sống theo những đam mê riêng của họ. Họ nói: “Đâu rồi lời Người hứa sẽ quang lâm?...Anh em thân mến, một điều duy nhất, xin anh em đừng quên: đối với Chúa, một ngày ví thể ngàn năm, ngàn năm tựa một ngày. Chúa không chậm trễ thực hiện lời hứa, như có kẻ cho là Người chậm trễ. Kỳ thực, Người kiên nhẫn đối với anh em, vì Người không muốn cho ai phải diệt vong, nhưng muốn cho mọi người đi tới chỗ ăn năn hối cải. Nhưng ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm.”* (2 Pr 3,3-13).

Người ta không thể ngồi chờ mãi ngày quang lâm. Vâng, Chúa chưa đến ! Phải thay đổi suy nghĩ thôi. Đây là thời gian chuyển sự tử của ngày quang lâm sang một ý niệm khác về thời gian: lịch sử ơn Cứu Độ vẫn phải tiếp tục. **Việc loại bỏ cánh chung (Enteschatologisierung) giúp cộng đoàn tìm những biện pháp để tồn tại trong thời gian.** Việc ý thức về cộng đoàn xuất hiện rất rõ nét trong thời gian này, đó là giai đoạn của **Hội Thánh**. Phải củng cố Hội Thánh để bảo quản lời cứu độ của Chúa và chống lại mọi cách giải thích sai lệch lời cứu độ. Phẩm trật ra đời trong ý thức giúp cộng đoàn tồn tại trong thời gian. Phẩm trật càng ngày càng được củng cố bằng quyền lực để qui định và kiểm soát các cơ chế của bí tích, phụng vụ và đời sống cộng đoàn. Phẩm trật có trách nhiệm như người canh gác mọi gia sản của truyền thống. Tất cả là để phục vụ cho ơn Cứu Độ của mọi người, trong đó có sứ vụ truyền giáo. Sách Công vụ Tông đồ cho thấy tính chất liên tục của Hội Thánh từ Đức Giêsu thành Nazareth lịch sử sang Đức Giêsu Kitô được tôn vinh, rồi đến Hội Thánh. Lịch sử cứu độ vẫn tiếp tục trong thời gian.

B. Ý NGHĨA CỦA CỘNG ĐOÀN TIÊN KHỞI TẠI GIÊRUSALEM

Mọi tín hữu đều phải công nhận: cuộc Vượt qua của Đức Giêsu đã được thực hiện tại Giêrusalem ! Người chết và sống lại tại Giêrusalem ! và cũng tại Giêrusalem việc Hiện Xuống của Thánh Thần đã khai mở Hội Thánh ra bên ngoài các nhân chứng. Bài tường trình của Cv 2,5-12 cho chúng ta thấy tính chất phổ quát (Universalisme) của Hội Thánh. Đương nhiên, sau sự kiện Hiện Xuống, các Tông đồ đã phân ra để đi rao giảng khắp đó đây, nhưng chúng ta phải công nhận tại Giêrusalem, tất cả những hướng dẫn về Đức Giêsu đều xuất phát từ đây; những nhân chứng chính yếu của Đức Giêsu vẫn còn

lưu lại tại đây: Phêrô, Gioan ... “Nhờ quyền năng mạnh mẽ Thiên Chúa ban, các Tông đồ làm chứng Chúa Giêsu đã sống lại. Và Thiên Chúa ban cho tất cả các ông dồi dào ân sủng” (Cv 4,33).

Chính tại Giêrusalem, Hội Thánh cảm nghiệm sự xung khắc với Do Thái giáo. Phải đấu tranh về mặt thần học với Do Thái giáo. Chính ý thức đấu tranh này giúp làm sáng tỏ niềm tin, đồng thời củng cố đức tin của cộng đoàn: “Được thả về, hai ông đến với các anh em và thuật lại mọi điều các thượng tế và kỳ mục đã nói với hai ông. Nghe vậy, họ đồng tâm nhất trí cất tiếng lên cùng Thiên Chúa” (Cv 4,23-24). Không phải cộng đoàn Giêrusalem tự nhận mình là quan trọng, nhưng mọi tín hữu đều công nhận như thế. Chính thánh Phaolô, sau khi trở lại, đã lên Giêrusalem để được gặp các Tông đồ; trong khi đi rao giảng, khi nghe Giêrusalem bị thiếu thốn, thánh Phaolô đã quyền góp và đem lên Giêrusalem tận tay trao cho các Tông đồ. Giêrusalem đã trở thành trung tâm của Kitô giáo thuở ban đầu, là mẫu mực cho đời sống tín hữu, đồng thời cũng là mẫu mực trong phụng vụ. Cuối cùng chính tại Giêrusalem, các Tông đồ đã quyết định và đưa ra chỉ thị cho niềm tin (Cv 15). Qua các sự kiện trên, chúng ta biết chắc, cộng đoàn tiên khởi đã nắm giữ rất nhiều tài liệu về Đức Giêsu, có thể đó là truyền khẩu, có thể là bản văn. Cho dù Antiochia cũng có những giáo đoàn rất độc lập, có truyền thống địa phương, có những bài tường trình thiết lập bí tích Thánh Thể rất khác (1 Cr 11,23-25; Mc 14,22-25; 26, 26-30; Lc 22,15-20), họ cũng có những lưu truyền khác biệt về bài giảng trên núi (Mt 5-7; Lc 6,20-26) và cả kinh Lạy Cha (Mt 6,9-13; Lc 11,2-4)...(Xem Cv 15,30-35), nhưng cộng đoàn Giêrusalem vẫn có được vị trí ưu tiên về chứng cứ niềm tin.

Sau khi nhìn hai điểm quan trọng trong việc hình thành quyển Tân Ước, chúng ta nhìn lại những gì có được trong thời gian trước khi có việc biên soạn Tân Ước. Đó là điều mà người ta thường gọi là: **Tin Mừng nguyên thủy trước khi có bản văn Tin Mừng (Das Evangelium vor den Evangelien).**

Có lẽ ngay từ thời các Tông đồ đã có những sưu tập và những cái nhìn về Đức Giêsu Kitô của cộng đoàn tiên khởi tại Giêrusalem. Chúng ta dừng vội cho việc ghi lại là để cho thế hệ sau hay để làm tài liệu lịch sử. Sưu tập tiên khởi này là **vì nhu cầu phụng vụ Lời Chúa, việc cử hành Thánh Lễ và việc hội họp huynh đệ.** Trong tất cả các dịp này, cần phải gọi lại ký ức về lời, về hành động, nhất là việc cử hành nghi thức bẻ bánh, như Đức Giêsu đã làm trong đêm Người chịu nạn; đồng thời với nhu cầu phụng vụ, cộng đoàn còn dùng những ghi chú này để thấy sự hiện diện của Thầy chí thánh giữa cộng đoàn, cũng như để tuyên xưng, ca ngợi Đức Kitô là “Chúa và là Đấng Kitô”. Khi đọc đoạn Công vụ 4, chúng ta mới thấy nhu cầu đầu tiên cần ghi lại dấu vết của Chúa: “Các tín hữu chuyên cần nghe các Tông đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng...Họ đồng tâm nhất trí...Khi làm lễ Bẻ Bánh tại tư gia, họ dùng bữa với lòng đơn sơ vui vẻ. Họ ca tụng Thiên Chúa, và được toàn dân thương mến. Và Chúa cho cộng đoàn mỗi ngày có thêm những người được cứu độ” (Cv 4,42-47).

Vết tích đầu tiên của lời rao giảng về Đức Giêsu Kitô chính là các **Kerygma**. Kerygma là những bài giảng tiên khởi của các Tông đồ ngay trong buổi đầu, trước khi được viết thành văn bản. Những Kerygma này được viết lại trong sách Công vụ Tông đồ. Nội dung chính yếu của các bài rao giảng này là cuộc Vượt qua của Đức Giêsu Kitô: “Theo kế hoạch Thiên Chúa đã định và biết trước, Đức Giêsu ấy đã bị nộp, và anh em đã dùng bàn tay kẻ dữ đóng đinh Người vào thập giá mà giết đi; nhưng Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại, giải thoát Người khỏi những đau khổ của cái chết”; “Đức Giêsu mà anh em đã treo trên thập giá, Thiên Chúa đã đặt Người làm Đức Chúa và làm Đấng Kitô” (Cv 2,23-24.36). Trọng tâm của niềm tin là cuộc Vượt qua của Đức Giêsu Kitô. Chính thánh Phaolô cũng khẳng định: “Nếu Đức Kitô đã không chỗi dậy, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng” (1 Cr 15,14). Từ các bài Kerygma, cộng đoàn càng ngày càng bổ túc thêm,

trình bày tỉ mỉ hơn về cuộc khổ nạn và Phục sinh. Người ta có lý để gọi các Phúc Âm đều là những bài tường trình về cuộc Vượt qua của Đức Giêsu Kitô.

Cận kề với nhu cầu phụng vụ và bí tích, còn có nhu cầu học Giáo lý, cử hành Bí tích Rửa tội, các công thức ngắn gọn để tuyên xưng đức tin, để cầu nguyện dài hay ngắn trong ngày...

Với thời gian và nhiều lý do, người ta bắt đầu sưu tập: các lời của Đức Giêsu, các dụ ngôn, các cuộc tranh luận của Người với Pharisêu, với các Rabbi, với những kẻ chống đối, và nhất là các phép lạ... Tất cả những sưu tập này, vì muốn cho tín hữu dễ ghi nhớ, người ta đã thực hiện những phương pháp ghi chú, những móc liên kết, gây ấn tượng. Tất cả những sưu tập này xuất hiện vào thập niên 30-40 trước khi có các quyển Phúc Âm và trước cả những lá thư của Thánh Phaolô.

Ngày nay, các nhà Thánh Kinh đã tìm được các công thức đức tin, các bài ca của cộng đoàn tiên khởi trong các thư của thánh Phaolô. Chính thánh Phaolô cũng đã xác nhận: “Thật vậy, điều tôi đã lãnh nhận từ nơi Chúa, tôi xin truyền lại cho anh em” (1 Cr 11,23); “Trước hết, tôi đã truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã lãnh nhận” (1 Cr 15,3). Chúng ta có thể kể những sưu tập của thánh Phaolô đã được ghi lại trong các thư của ngài:

- ✓ 1 Tx 1,9-11 Bài ca Thánh Tẩy (Tauflied)
- ✓ 1 Cr 15,3-5 Công thức tuyên xưng
- ✓ Rm 1,3-4 Tuyên xưng Đức Kitô
- ✓ Cl 1,15-20 Tuyên xưng Đức Kitô
- ✓ Ep 1,3-14; 5,14 Bài ca Thánh Tẩy.
- ✓ Công bố cổ nhất về Tiệc Thánh (1 Cr 11,23-26)
- ✓ Kerygma cổ nhất về việc Phục sinh của Chúa (1 Cr 15,3-5).

Các “Tin Mừng trước Tin Mừng” này rất đa dạng, hoặc truyền khẩu, hoặc đã được biên soạn thành chương, như Luca đã nói trong lời mở đầu của Phúc Âm: “Thưa ngài Theophile đáng kính, có nhiều người đã ra công biên soạn bản tường thuật những điều đã được thực hiện giữa chúng ta. Họ viết theo những điều mà các người đã được chứng kiến ngay từ đầu và được phục vụ lời Chúa truyền lại cho chúng ta. Tôi cũng vậy, sau khi đã cẩn thận tra cứu đầu đuôi mọi sự, thì thiết tưởng cũng nên tuân tự viết ra để kính tặng ngài” (Lc 1,1-4). Các sưu tập này thật ra đã nằm sâu trong ký ức của tín hữu, vì sự đạo đức, vì phụng vụ và vì việc cầu nguyện hằng ngày.

C. CHI CHÚ YẾ TRÌNH TỰ HÌNH THÀNH CÁC TÁC PHẨM TÂN ƯỚC

Tân Ước với 27 tác phẩm đã được sắp xếp theo một thứ tự mà chúng ta thường gặp trong các sách được xuất bản: 4 quyển Phúc Âm, Công vụ Tông đồ, 21 lá thư của nhiều tác giả và cuối cùng là sách Khải huyền. Chúng ta có những ghi nhận như sau:

1. Trật tự sắp xếp các tác phẩm trong sách Tân Ước không dựa theo trình tự hình thành các tác phẩm này, nhưng theo một cái nhìn thần học về thời gian: Đức Giêsu thành Nazareth hoạt động tại thế, lịch sử tiên khởi của Hội Thánh, các chỉ dạy sống đạo của các Tông đồ và cuối cùng là Cánh chung. Cách sắp xếp theo thời gian y như trong Cựu Ước, nhưng không theo thứ tự hình thành các sách thánh
2. Tên tác giả vẫn thường gán cho các tác phẩm đều dựa theo truyền thống. Các tác phẩm đều dựa vào một Tông đồ để có giá trị về mặt đức tin. Tên người không đảm bảo tính chất mạc khải trong sách, nhưng dựa theo quyết định của Hội Thánh.

3. Những gì mà Hội Thánh công nhận thuộc về Kinh Bộ đều mang tính chất mặc khải và phải tin. Chúng ta không được phép loại bỏ một câu một chữ trong quyển Tân Ước này. Đó là về mặt đức tin, nhưng về khoa Thánh Kinh, người ta có thể phân tích và cho thấy tỉ dụ chương 21 của Phúc Âm thánh Gioan là mới được thêm vào, hay đoạn Mc 16,9-20 cũng thế. Về khoa học và khoa Thánh Kinh có thể giúp chúng ta hiểu thêm, nhưng không phải vì thế mà các đoạn này không chứa mặc khải. Một khi Hội Thánh đã xác định Kinh bộ, tức là các sách này là nền tảng đức tin vì chứa đựng mặc khải, thì không vì khám phá mới mà chúng ta loại bỏ.

Ngày nay thật khó xác định ngày tháng các tác giả đã trứ tác. Chỉ biết rằng một khi đã được biên soạn, thì các tín hữu đã tin tưởng lưu truyền cho nhau và tôn trọng. Những chứng cứ cổ xưa nhất có thể đã gặp trong tác phẩm của các Giáo phụ đoạn này hay đoạn nọ của Phúc Âm hay lá thư nào đó trong Tân Ước. Trước tiên phải kể đến **Papias (+ 150)**, Giám Mục thành Hierapolis, vị giáo phụ này quen thân với thánh Gioan Tông đồ; tiếp đến trong tác phẩm của **Irênê**, Giám Mục Lyon (+200) và **Clement thành Alexandria (+215)** Đặc biệt nhất là quyển Diatessaron của **Tatian** được viết vào khoảng năm 170, một thứ Phúc Âm tổng hợp. **Bản Muratorium** được viết vào khoảng năm 180; gọi như thế là do một học giả người Ý tên là Ludovico Antonio Muratori đã khám phá trong thư viện Ambrosio ở Milan vào năm 1740. Nhiều Giáo phụ đã trích đoạn này hay đoạn khác của Tân Ước: Thánh Justin tử đạo (+165); Tertullien (+220); Origenes (+254) và trong cuộc tranh luận với Marcion (+160). Qua cuộc tranh luận này mà Hội Thánh lần đầu tiên liệt kê các sách Tân Ước.

Về các bản viết trên Papyrus, giấy cói. Chúng ta còn có được tờ **Papyrus 52** (trính dẫn là P 52) tìm được vào năm 1920 ở trung phần Ai Cập. Bản này còn ghi lại đoạn Phúc Âm thánh Gioan **18,31-33.37-38**.

Về việc hình thành quyển Tân Ước có hai điểm ghi nhận:

- ✓ Trong khi 45 tác phẩm của Cựu Ước được viết ra trong vòng 1000 năm, thì 27 tác phẩm của Tân Ước chỉ được viết ra trong vòng 100 năm.
- ✓ Trong 27 tác phẩm này thì các thư của thánh Phaolô có vị trí ưu tiên. Chúng xuất hiện trước cả các Phúc Âm.

Chúng ta có một cái nhìn chung như sau:

- ◆ Năm 55-62 Các thư Thánh Phaolô.
- ◆ Năm 69-80 Các Phúc Âm Nhất Lãm và Công vụ Tông đồ.
- ◆ Cũng trong thời này xuất hiện 2 thư Phêrô, thư Giacôbê và thư Giuđa.
- ◆ Năm 80 Thư Do Thái.
- ◆ Năm 100 Các tác phẩm của Gioan.
- ◆ Sau năm 100 Các thư mục vụ: 1 và 2 Timôtê; thư Titô.

II. CÁC TÁC PHẨM TÂN ƯỚC

A. CÁC THƯ PHAOLÔ

Những dòng chữ đầu tiên thuộc quyển Tân Ước là các lá thư của thánh Phaolô. Các Phúc Âm, dù mỗi thánh sử đều có thần học riêng của mình, cũng muốn tường trình lịch sử Đức Giêsu, đặc biệt là cuộc Vượt qua của Người. Thánh Phaolô có điểm đặc biệt là đã không quen biết Đức Giêsu tại thế, không được trực tiếp nghe Người giảng dạy và đã không sống với Người trong suốt thời gian tại thế.

Thánh Phaolô không muốn mình chứng Đức Giêsu thành Nazareth lịch sử, vì những chứng nhân tai nghe mắt thấy vẫn còn sống và cũng không ai nghi ngờ về sự kiện Đức Giêsu thành Nazareth cả. Thần học của thánh Phaolô xuất phát từ diễm kiến Đấng Phục sinh. Việc Phục sinh của Đức Kitô là nền tảng thần học của thánh Phaolô. Thánh Phaolô là nhà thần học đầu tiên của Kitô giáo: suy tư từ mặc khải để áp dụng Tin Mừng vào cuộc sống. Nếu từ thế kỷ thứ II trong Thánh Lễ người ta nghe “Ký ức” của các Tông đồ, thì kèm theo đó là việc đọc các lá thư của thánh Phaolô. Nếu từ thế kỷ thứ IV đã có quyển Phúc Âm dùng trong Thánh Lễ thì song song đó đã có quyển “Corpus Paulinum” cũng dùng trong Thánh Lễ.

Theo trình tự hình thành quyển Tân Ước, các thư thánh Phaolô là nền tảng đầu tiên. Ngài viết thư cho các cộng đoàn mà ngài đã thành lập và khuyên mọi người hãy đọc các lá thư đó và cũng chuyển cho các cộng đoàn khác cùng đọc: “Nhân danh Chúa, tôi yêu cầu đọc thư này cho tất cả các anh em” (1 Tx 5,27); “Sau khi đọc thư này, xin liệu sao cho Hội Thánh Laodicea cũng được đọc nữa. Xin anh em cũng đọc thư của tôi gửi cho Hội Thánh Laodicea” (Cl 4,16). Có lẽ việc đọc thư thánh Phaolô trong các buổi họp hay phụng vụ đã được phổ biến, đến độ thánh Phêrô cũng biết: “Anh em hãy biết rằng Chúa chúng ta tỏ lòng kiên nhẫn chính là để anh em được cứu độ, như ông Phaolô, người anh em thân mến của chúng ta, đã viết cho anh em, theo ơn khôn ngoan Thiên Chúa đã ban cho ông. Ông cũng nói như vậy trong tất cả các thư của ông, khi bàn đến các vấn đề này. Trong các thư ấy, có những chỗ khó hiểu; những chỗ ấy cũng như những chỗ khác trong Kinh Thánh, bị những kẻ vô học và nông nổi xuyên tạc, khiến chúng phải chuốc lấy họa diệt vong” (2 Pr 315-16).

1. Cuộc đời của thánh Phaolô

Khó xác định rõ ràng ngày tháng các thư của thánh Phaolô được trứ tác. Các nhà Thánh Kinh cũng không đồng ý với nhau. Chúng ta chỉ muốn nhìn lại cuộc đời của vị Tông đồ dân ngoại: thánh Phaolô được sinh ra tại Tarsus, miền Tiểu Á vào khoảng năm 10 scn. Cha mẹ ngài là những người “Do Thái ngoại cư – DiasporaJuden”, xuất thân từ chi tộc Benjamin (Pl 3,5; Rm 11,1); cha mẹ cũng đã mua cho ngài quốc tịch của đế quốc La Mã (Cv 16,37t.; 22,28; 25,10). Chính vì thế mà ngay từ khi sinh ra ngài đã có hai tên gọi, một tên trên giấy tờ quốc tịch là Phaolô, có âm vang như tiếng Hy Lạp, và tên thân thuộc trong gia đình là Saul. Ngài làm nghề thợ da hay làm lều (Cv 18,3). Vì là người Do Thái ngoại cư (tức là sống bên ngoài xứ Do Thái) buộc phải nói ngôn ngữ Hy Lạp, nhuần nhuyễn triết học Hy Lạp và cũng thấm nhuần tư tưởng tôn giáo của tổ tiên; ngài thường sử dụng Thánh Kinh quyển Septuaginta (tức là dịch Thánh Kinh ra tiếng Hy Lạp), như chúng ta thấy trong các đoạn Thánh Kinh mà ngài trích dịch. Với 21 lần trích sách ngôn sứ Isaia các chương 40-66, đủ cho chúng ta thấy ngài rất thích sách ngôn sứ này.

Với một thân xác yếu đuối, sức khỏe không tốt mấy (Gl 4,13-15; 2 Cr 12,7), thánh Phaolô đã thực hiện những cuộc truyền giáo thật kinh ngạc (thường là đi theo các con đường bưu điện của đế quốc La Mã) xuyên qua các vùng Tiểu Á, Hy Lạp, Rôma và có thể đến Tây Ban Nha (“Từ nhiều năm nay, tôi vẫn ước ao đến thăm anh em, khi nào tôi sang Tây Ban Nha”- Rm 15,24). Cuộc hành trình của ngài, nếu dựa theo Công vụ và các thư, có thể vượt trên 16.800 Km (7.800 Km đường bộ và 9.000 Km đường biển). Cuộc hành trình gian khổ vì Chúa Kitô, vì “Đức Kitô chịu đóng đinh mà thôi”. Chúng ta nghe một chút về những cuộc truyền giáo do chính thánh nhân kể lại:

“Bất cứ điều gì người ta dám làm, thì tôi cũng dám làm – tôi nói như người điên. Họ là người Hipri ư? Tôi cũng vậy ! Họ là người Israel ư? Tôi cũng vậy ! Họ là dòng giống Abraham ư? Tôi cũng vậy ! Họ là người phục vụ Đức Kitô ư? Tôi nói như người điên: tôi còn hơn họ nữa ! Hơn nhiều vì công khó, hơn nhiều vì ở tù, hơn gấp bội vì chịu đòn, bao lần suýt chết. Năm lần tôi bị người Do Thái đánh bốn mươi roi bớt một; ba lần bị đánh đòn; một lần bị ném đá; ba lần bị đắm tàu; một đêm một ngày lênh

đênh giữa biển khơi ! Tôi còn hơn họ, vì phải thực hiện nhiều cuộc hành trình, gặp bao nguy hiểm trên sông, nguy hiểm do trộm cướp, nguy hiểm do đồng bào, nguy hiểm vì dân ngoại, nguy hiểm ở thành phố, trong sa mạc, ngoài biển khơi, nguy hiểm do những kẻ giả danh là anh em. Tôi còn phải vất vả mệt nhọc, thường phải thức đêm, bị đói khát, nhịn ăn nhịn uống và chịu rét mướt trần truồng. Không kể các điều khác, còn có nỗi ray rứt hằng ngày của tôi là mỗi bận tâm lo cho tất cả các Hội Thánh ! Có ai yếu đuối mà tôi lại không cảm thấy mình yếu đuối? Có ai vấp ngã mà tôi lại không cảm thấy lòng sôi lên?

Nếu phải tự hào, thì tôi sẽ tự hào về những yếu đuối của tôi. Thiên Chúa, Đấng đáng chúc tụng muôn đời, là Cha của Chúa Giêsu, biết rằng tôi không nói dối. Tại Damas, tổng đốc của vua Arêta đã cho lính canh gác thành để bắt tôi. Nhưng người ta đã cho tôi vào một cái thùng, rồi thông qua cửa sổ dọc theo tường thành. Thế là tôi thoát khỏi tay ông ta” (2 Cr 11,21-33).

Cuộc đời của thánh Phaolô gặp một bước ngoặt khi được gặp gỡ Đức Kitô Phục sinh. Sự kiện quá quan trọng đối với ngài, nên ngài cứ nói đi nói lại. Trong Công vụ, chúng ta đọc được 3 lần tường trình này: Cv 9,1-9; 22,6-23; 26,12-20. Thánh nhân là con người nhiệt thành; trước hết nhiệt thành vì Lễ Luật, nên đã bách hại Kitô giáo; nhiệt thành vì Đức Kitô, khi biết Người là Đấng Phục sinh. Khi quay về với Kitô giáo và sẵn sàng để lên đường truyền giáo, ngài đã gặp không ít khó khăn vì bị nghi kị. Chính ông Khanania lên tiếng với Chúa: “Lạy Chúa, con đã nghe lắm kẻ nói về người ấy, về tất cả những điều mà người ấy đã làm cho các thánh Chúa tại Giêrusalem” (Cv 9,13). Nhưng thánh Phaolô luôn xác tín: qua sự kiện Damaskus, Đức Kitô Phục sinh đã kêu gọi ngài cách đặc biệt, ngài xem mình thuộc về những người được nhìn thấy Đấng phục sinh (1 Cr 9,1; 15,3-11), và như thế ngài lên đường rao giảng về Đấng chịu đóng đinh và cũng là Đấng đã Phục sinh ! Rất nhiều giáo đoàn được ngài thành lập. Và một khi thành lập và phải ra đi, ngài không bao giờ quên họ. **Các lá thư của ngài là những lá thư mục vụ, chăm sóc và nếu có những vấn đề khó khăn, ngài dùng thư để trả lời và giải quyết những nổ khó khăn đó.** Nhờ sự yêu thương và chăm sóc giáo đoàn do chính ngài thành lập mà chúng ta còn có các lá thư của ngài cho đến hôm nay.

Về các thư thánh Phaolô, các nhà Thánh Kinh có những ý kiến như sau:

- a. Không phải tất cả các lá thư của thánh Phaolô (14) mà Tân Ước gán cho thánh nhân, đều do chính tay ngài viết ra. Để có liên hệ với thánh nhân, người ta đưa ra lý thuyết “Người thư ký – Sekretärs-Hypothese”.
- b. Thư Do Thái, như trong lời dẫn nhập, cho thấy không phải do tay thánh Phaolô viết ra, thường được các nhà Thánh Kinh chấp nhận là được viết sau thời thánh Phaolô
- c. Các lá thư mục vụ (1 và 2 Tim và thư Titus) vì các vấn đề như quan niệm về Hội Thánh, việc kế vị, chống lạc giáo...là những vấn đề trong thời thánh Phaolô chưa có, nên các nhà Thánh Kinh đều cho rằng các thư này xuất hiện sau thời thánh Phaolô và có lẽ sau năm 100.
- d. Người ta tranh luận xem thư Êphêsô có thật sự là của thánh Phaolô không. Một số đông đã chống lại tính xác thực của thư này. Nhưng sau khi tìm hiểu người ta thấy có sự liên hệ giữ thư Êphêsô và thư Côlossê.

Ep 3,2 = Cl 1,25; Ep 4,16 = Cl 2,19; Ep 4,22-24 = Cl 3,9-10; Ep 621-22 = Cl 3,7-8.

Qua sự giống nhau như thế, khối Công giáo xác nhận ra thư này thật sự là của thánh Phaolô.

- e. Với những lá thư chính thức được công nhận là của thánh Phaolô, người ta cũng đặt vấn đề: hình thức hiện tại trong sách được xuất bản thực sự là một bản trọn vẹn do tay thánh Phaolô hay ngay sau khi ngài chịu tử đạo, người ta sưu tầm các lá thư và đúc kết lại thành một? Tỉ dụ như trong 2 lá thư Corinthô. Người ta nghĩ là thánh Phaolô đã viết tất cả là 4 lá thư gửi cho giáo đoàn Côrinthô.

W.Schmidthals lại cho rằng có tất cả 6 lá thư ngài viết cho giáo đoàn này, người ta đã tổng hợp lại và ngày nay chỉ còn 2 lá thư mà thôi, vì người ta có thể tìm những vết tích của 6 lá thư khác biệt nhau trong 2 lá thư Côrinthô hiện tại:

- ◆ **Thư A** = 2 Cr 6, 14 - 7,1; 1 Cr 9,24 – 10,22; 6, 12-20; 11,2-34; 15,1-58; 16,13-24.
- ◆ **Thư B** = 1 Cr 1,1 - 6,11; 7,1 – 9,23; 10,23 – 11,1; 12,1-14.40; 16, 1-12.
- ◆ **Thư C** = 2 Cr 2,14 – 6,13; 7,2-4.
- ◆ **Thư D** = 2 Cr 10,1 – 13,13.
- ◆ **Thư E** = 2 Cr 9,1-15.
- ◆ **Thư F** = 2 cr 1,1-2.13; 7,5 – 8,24.

f. Trong thư gửi giáo đoàn Philliphe, người ta cũng thấy những đoạn lạc lõng (Pl 2,14; 3,2; 4,2-10). Người ta vẫn cho chương 16 của thư Rôma là mới được thêm vào.

Với Corpus Paulinum, Hội Thánh rất trân trọng, luôn suy tư và tìm nơi đây nguồn sống mới cho suy tư thần học trong mọi thế hệ.

VỀ THỜI KHẮC BIỂU HÌNH THÀNH CÁC THƯ, CHÚNG TA TẠM CÓ NHƯ SAU:

a. Năm 33/34 Sự kiện Damaskus, Thánh Phaolô trở lại

b. Năm 47/48 truyền giáo lần 1

c. Năm 49/52 truyền giáo lần 2 * thư 1 Tx (51/52)

* thư 2 Tx (51/52)

d. Năm 53/58 truyền giáo lần 3 * thư Galát (54/57)

* 1 Cr (57)

* 2 Cr (57)

* Rm (58)

e. Năm 60/61 Hành trình tù đày

f. Năm 61/63 tù tại Rôma * thư Cl (61/63)

* thư Philêmon (61/63)

* thư Ep (61/63)

* thư Pl (61/63)

g. Năm 66/67 tù Rôma lần 2

h. Năm 67 tử đạo tại Rôma

B. CÁC PHÚC ÂM NHẤT LÂM

Kể từ năm **1766** sau khi học hỏi ba Phúc Âm đầu tiên trong quyển Tân Ước, **J.J.Griesbach** đã viết ba Phúc Âm thành ba cột và nhìn lại, thấy cả ba có nhiều điểm giống nhau, từ đó ông đặt tên là

Synpose (Nhất lãm). Khi gọi ba Phúc Âm này là các Phúc Âm nhất lãm, ông muốn nói các tác phẩm này có nhiều phần chung, giống nhau.

1. Ve à ba n va n

Nếu chúng ta nhìn kỹ lại sẽ thấy: Phúc Âm thánh Marcô có tất cả là 661 câu; Mt là 1068 câu và Lc là 1149 câu. Trong 1068 câu của Mt đã có **600 câu** rút từ Phúc Âm thánh Marcô và nơi Luca, với 1149 câu có **350 câu** rút từ Phúc Âm thánh Marcô. Từ đó người ta đưa ra lý thuyết **“Hai nguồn”**, tức là 2 Phúc Âm Mt và Lc vừa có Phúc Âm Mc là nguồn cơ bản, còn những gì không giống Phúc Âm thánh Mc được gọi là **“Nguồn đặc biệt – Sondergut”**. Người ta gọi nguồn đặc biệt này là **Q**, nguyên chữ là **Redequelle** hay là **Logienquelle** (Q rút từ tiếng Đức Quelle – mọi nước, nguồn nước, suối nước). (Xin đọc phần dẫn nhập của quyển Tân Ước nhỏ, CGKPV, trang 52-56).

2. LÖÖc ñoà

Nhất lãm không những vì hai Phúc Âm Mt và Lc đã sử dụng Mc làm nền và thu nhận nhiều câu vào Phúc Âm của mình, mà còn theo một trình tự giống nhau cho cuộc đời tại thế của Đức Giêsu thành Nazareth:

a. Đức Giêsu chịu thanh tẩy tại sông Giordan:

Mc 1,1 - 1,13; Mt 3,1 - 4,11; Lc 3,1 - 4,13.

b. Đức Giêsu hoạt động tại Galilê:

Mc 1,14 - 6,13; Mt 4,12 - 13, 58; Lc 4, 14 – 9, 50.

c. Đức Giêsu trên đường đi lên Giêrusalem:

Mc 6,14 – 10, 52; Mt 14,1 – 20, 34; Lc 9, 51 – 19, 27

d. Những ngày cuối cùng của Đức Giêsu tại Giêrusalem:

Mc 11,1 – 13, 37; Mt 21, 1 – 25, 46; Lc 19,28 – 21, 38.

e. Cuộc Vượt qua của Đức Giêsu: khổ nạn và Phục sinh:

Mc 14 – 16; Mt 26 – 28; Lc 22 – 24.

Một điểm cần chú ý, trong các sưu tập mà chúng ta đã thấy bên trên, thường người ta lưu truyền về một lời nói của Đức Giêsu, một phép lạ hay một sự kiện thường không chú ý đến trình tự thời gian hay địa lý. Sau này để dễ nhớ người ta theo kỹ thuật, gắn liền một sự kiện với địa danh, một sự kiện hay một lời với một nhân vật, như một lần hiện ra với Thomas, một câu trả lời gắn liền với câu hỏi của Philippe chẳng hạn, nhưng không gian và không gian người ta đã không chú ý gì đến cả. Nhưng khi nói về bài tường trình Thương khó, chúng ta thấy rõ, các tác giả chú ý từng chi tiết về thời gian, không gian và những câu đối đáp... Tất cả những điều này minh chứng rằng bản tường trình này đã có trước mọi phần khác. Vì thế thường người ta gọi Phúc Âm là bản tường trình Thương khó và Phục sinh của Đức Giêsu Kitô và các tác giả cố kéo dài ra phía trước hay phía sau.

Đôi khi người đọc cũng thắc mắc về thời gian biểu tại thế của Đức Giêsu. Trong Phúc Âm thánh Gioan có ít nhất 4 lần Đức Giêsu lên Giêrusalem, tại sao nơi Nhất Lãm chỉ có một lần duy nhất. Điều này làm người ta suy nghĩ về thời gian hoạt động của Đức Giêsu tại thế: một năm hay ba năm? hay bốn năm hay nhiều hơn nữa? không ai trả lời được. Không biết rằng hai tác giả Mt và Lc có đặt vấn đề này hay không? tại sao họ lại theo trình tự của Mc?

Từ thuở xa xưa, người ta đã công nhận Phúc Âm thứ hai là của Marcô và của thánh Phêrô. Thánh tử đạo Justin (+165) cho rằng quyển Phúc Âm thánh Marcô là bài “tưởng niệm thánh Phêrô”. Papias, Giám Mục thành Hierapolis/Phrygien (+150) viết: “Marcô là người thông dịch cho thánh Phêrô dựa theo ký ức các lời nói và hành động của Chúa, đương nhiên là không theo thứ tự. Marcô đã không được nghe Chúa giảng dạy, cũng không được theo Người; nhưng sau này ngài được theo thánh Phêrô”. Thánh Irênê, Giám Mục Lyon (+200) bổ túc lời của Papias “sau cái chết của vị Tông đồ Phêrô” (Hãresie, III,1,1) đã ghi chép lại các lời rao giảng của thánh Phêrô.

Thế giá của Phúc Âm thánh Marcô đã được công nhận từ xa xưa, thêm nữa; cách tường trình không theo tính thời gian có lẽ là cách truyền đạt đã có từ trước; nên khi theo sát Macrô, Mt và Lc cũng đã theo trình tự của Marcô để trình bày sự kiện cứu độ của Đức Giêsu.

3. Phúc Âm thời thơ ấu nội thành Mt và Lc

Marcô bắt đầu Phúc Âm của mình từ lúc Đức Giêsu chịu thanh tẩy tại sông Giordan, còn Mt và Lc, mỗi vị, có hai chương đầu, để trình bày thời thơ ấu của Đức Giêsu. Tại sao? đó là câu hỏi ray rức cho đến nay.

- a. Cốt lõi của Phúc Âm chính là bản tường trình cuộc Vượt qua của Đức Giêsu, tức là cuộc khổ nạn và phục sinh. Còn phần đi trước là phần bổ túc để làm rõ nét Đấng phải chịu đóng đinh là ai? Marcô muốn vẽ một Đức Giêsu với “Mâu nhiệm Đấng Mêssias” mà con người phải lần lần khám phá ra trong suốt Phúc Âm.
- b. Mc bắt đầu quyển Phúc Âm từ lúc Đức Giêsu chịu phép rửa ! Nhưng chúng ta biết vào thời gian này đã có những lạc giáo xuất thân từ nhóm Judeo-Christen, bảo vệ tính chất độc thần duy nhất của Do Thái giáo (Monarchianisme), từ đó đưa ra các giải thích sai lệch về tương quan của Đức Giêsu với Yahvê Thiên Chúa: đó là những thuyết bảo vệ tính độc thần duy nhất, Dưỡng Tử thuyết (Adoptianisme) và đồng thời thuyết này, còn một thuyết khác chịu ảnh hưởng triết học Hy Lạp, phủ nhận thân xác và cho thân xác Đức Giêsu chỉ là một ảnh ảo (Docétisme). Để đáp trả lại các thuyết này, Mt và Lc đã cố gắng để trình bày Mâu nhiệm Nhập Thể cho thấy Đức Giêsu là một con người thật. Nếu Mc bắt đầu cuộc khai mạc Đức Giêsu từ khi chịu phép rửa tại Giordan, thì cũng ám hạp với thuyết Adoptianisme: Đức Giêsu chỉ là con người, ngay lúc chịu phép rửa, Thiên Chúa mới tuôn đổ Thánh Thần để nhận Người là Con. Mt và Lc nhấn mạnh đến mâu nhiệm Nhập Thể để thấy Người là Con từ khi Đức Maria sinh ra, sinh ra từ một người phụ nữ, sinh ra từ một Trinh Nữ. Tính chất đồng trình sinh hạ được nổi bật trong mâu nhiệm Nhập Thể của Đức Giêsu. Qua đó để thấy, Đức Giêsu là Con Thiên Chúa
- c. Gioan đi xa hơn: không phải từ khi sinh ra Đức Giêsu thành Nazareth là Con Thiên Chúa, nhưng từ muôn thuở, Người đã là Con, và qua Nhiệm vụ cứu độ, Người đã nhập thể, như quà tặng của Thiên Chúa ban cho nhân loại.

4. Vai trò kết và Phúc Âm Nhất Lãm

Chúng ta đã nhìn những tiêu chuẩn bên ngoài, giờ đây cũng nên nhìn vào những điểm nội dung bên trong:

- a. Các tước hiệu dành cho Đức Kitô được dùng trong Phúc Âm Nhất Lãm rất khác với những tuyên xưng và truyền thống cổ.
- b. Chứng cứ suy tư về Kitô học được triển khai là nhằm vào đối tượng mà tác giả muốn nhắm tới; ở đây chính là các Pagano-Christen. Vì đối tượng thánh giả khác, nên cách trình bày về Đức Giêsu với những tước hiệu cũng khác, Đấng Mêssias và Đấng Kyrios.

- c. Ba quyển Phúc Âm Nhất Lãm cho chúng ta thấy cuộc khủng hoảng về ngày quang lâm đã dần dần bớt đi (Enteschatologisierung), từ đó các tác giả nhắm thẳng vào thời gian của Hội Thánh. Sự kiện Đức Giêsu Kitô trở thành trung tâm lịch sử chứ không nằm ở cuối thời. Khi nói về sự kiện Đức Giêsu Kitô là trung tâm thời gian (“Mitte der Zeit”), người ta có thể hiểu hai cách: a. hoặc là: Cựu Ước – sự kiện Đức Giêsu Kitô – Tân Ước; b. hoặc là: Mầu nhiệm Nhập Thể “Chúa đến lần thứ nhất – thời gian của Hội Thánh – Quang lâm “Chúa đến lần thứ hai”. Thường người ta hiểu theo cách thứ hai để nhấn mạnh đến việc Hội Thánh phải tiếp tục công trình cứu độ của Đức Giêsu Kitô.
- d. Qua các Phúc Âm Nhất Lãm, chúng ta thấy rõ bắt đầu có sự rạn nứt giữa Kitô giáo với Do Thái giáo. Sự tách dần của Kitô giáo khỏi Hội Đường Do Thái, sau một thời gian cố gắng truyền giáo cho người Do Thái mà không đạt được kết quả nào, nhất là sau khi Đền Thờ Giêrusalem bị tàn phá vào năm 70 scn.
- e. Khẳng định vào truyền thống xưa cũ của Hội Thánh
- f. Ý thức rõ rệt vào cộng đoàn kitô hữu, một Hội Thánh từ Do Thái và ngoại giáo
- g. Sự thay đổi hoàn cảnh chính trị, nên các tác giả phải trình bày một Kitô giáo không nguy hiểm gì cho chính quyền của đế quốc La Mã.
- h. Cộng đoàn của các Phúc Âm nhất lãm bắt đầu có sự sa sút...

Theo các nhà Thánh Kinh, các Phúc Âm nhất lãm hình thành trong các thời gian như sau:

- ✓ Phúc Âm Marcô vào khoảng năm 65 scn
- ✓ Phúc Âm thánh Matthêu phải sau năm 70 scn
- ✓ Phúc Âm thánh Luca phải sau năm 75 scn

C. SÁCH CÔNG VỤ TÔNG ĐỒ

Theo truyền thống, mọi người đều cho Luca vừa tác giả quyển Phúc Âm thứ ba, vừa là tác giả quyển Công vụ Tông đồ. Trong khi Marcô là đệ tử ruột của thánh Phêrô, thì Luca là người luôn theo sát Phaolô, vì thế nhiều người cho rằng Phúc Âm thứ ba và sách Công vụ Tông đồ đều nằm dưới ảnh hưởng của thánh Phaolô.

Truyền thống (Eusèe, Jérôme) cho thánh Luca là một người ngoại giáo, gốc Syrie, là một thầy thuốc (Cl 4,14). Người ta cũng nói Luca cộng tác với thánh Phaolô trong các cuộc truyền giáo, như nhiều đoạn thư thánh Phaolô minh chứng (Plm 24: “Anh Êpapha, người bạn tù với tôi trong Đức Kitô Giêsu, gửi lời chào anh, cùng với các cộng sự viên của tôi là Marcô, Aristakho, Đêma và Luca”; “Chỉ còn một mình anh Luca ở với tôi” 2 Tm 4,11); nhất là đoạn nói về “Chúng tôi” trong Công vụ Tông đồ (Cv 16,10-17; 20,5 – 21,8; 27,1 – 28,16), từ khi Thánh Phaolô bị bắt và Luca đã cùng đi với ngài đến Rôma. Việc cho thánh Luca là tác giả Phúc Âm thứ ba đã bắt đầu từ thời xa xưa, từ Irênê (140-202), Giám Mục thành Lyon (Adversus Haereses 3,1,1; 14,1,4), và trong Canon de Muratori (thế kỷ thứ II scn).

Trong quyển Công vụ Tông đồ, tác giả ghi lại rất nhiều các bài giảng hay nói chuyện, tranh luận của những Tông đồ gốc cội của Kitô giáo. Chúng ta có những bài đó như sau:

- ◆ 1,16-25: Phêrô nói trước khi tuyển chọn Matthias.
- ◆ 2,14-39: Phêrô giảng trong ngày lễ Hiện Xuống.
- ◆ 3,12-26: Phêrô giảng ở hành lang Salomon trong Đền Thờ Giêrusalem.
- ◆ 4,9-12 Phêrô nói trước Công nghị.

- ◆ 5,29-32 Phêrô nói trước Công Nghị.
- ◆ 7,2-53 Stephanô tranh luận.
- ◆ 10,34-43 Phêrô nói ở Cêsarêa.
- ◆ 11,5-17 Phêrô nói ở Giêrusalem .
- ◆ 13,16-41 Phaolô nói ở Antiochia.
- ◆ 15,6-11 Phêrô nói ở công đồng Giêrusalem.
- ◆ 17,22-31 Phaolô nói ở đồi Areopag.
- ◆ 20,18-35 Phaolô từ biệt ở Milet.
- ◆ 22,1-21 Phaolô nói ở đồn Antonio tại Giêrusalem .
- ◆ 24,10-21 Phaolô nói trước Tổng trấn Felix.
- ◆ 26,1-23 Phaolô nói trước Agrippa.
- ◆ 28,25-28 Phaolô nói ở Rôma.

Vấn đề được đặt ra là: đây thực sự là những bài nói của những Tông đồ được nêu danh? hay chính của Luca? Trước khi trả lời, chúng ta phải nhìn lại 3 Sitz im Leben của cuộc hình thành các bài này:

- ✓ Hoàn cảnh lịch sử của Hội Thánh nguyên thủy, của việc rao giảng và hoạt động của Phêrô, Stephanô và Phaolô;
- ✓ Ký ức về hoạt động các Tông đồ, bài giảng và Phụng vụ trong cộng đoàn Judeo-Christen hay Pagano-Christen.
- ✓ Biên tập cuối cùng và hoàn chỉnh của Luca. Luca lấy lại chất liệu của truyền thống, nhưng phải viết cho thích hợp với hoàn cảnh hiện tại.

Vậy có thể trả lời, không phải của Phêrô hay Phaolô, nhưng là chất liệu được Luca sử dụng để trình bày tư tưởng của mình cho hoàn cảnh hiện tại. Luca không muốn viết ký sự hay tài liệu lịch sử, nhưng để củng cố đức tin cho cộng đoàn.

Từ những nhận định trên, chúng ta có thể nói về nội dung trong Công vụ Tông đồ như sau:

- a. Luca là thánh sử cho người Helleno-Christen. Ngài cố ý trình bày lịch sử ơn Cứu Độ được tiếp nối qua Hội Thánh theo đúng chương trình của Thiên Chúa. Luca không còn đứng trong cuộc khủng hoảng của việc chờ đợi quang lâm nữa, nhưng đã biết nhìn vào tương lai để mong chờ Đức Kitô lại đến. Đây là Thời đại của Hội Thánh, một thời đại không còn âu lo trong việc mong chờ ngày quang lâm, nhưng là thời của vương quyền Đức Kitô và thời thiết lập Nước Trời. Quan niệm thần học về thời gian, về lịch sử chỉ có sau khi Đền Thờ Giêrusalem bị tàn phá, tức là phải sau năm 70 scn.
- b. Trong bài nói của Stephanô, người ta thấy rõ việc phủ nhận Đền Thờ và phượng tự Do Thái. Không còn là thời gian đối thoại giữa Hội Thánh và Hội Đường nữa, nhưng chấm dứt cuộc rao giảng cho người Do Thái và việc dứt khoát rời bỏ thế giới Do Thái giáo.
- c. Công vụ Tông đồ cố gắng vẽ Kitô giáo với một gương mặt hiền lành, không gây một khó khăn nào cho đế quốc (Apologie) vì đây là thời gian Kitô giáo bị bách hại. Thật ra cuộc bách hại trên đế quốc La Mã đã bắt đầu với hoàng đế Nero (54-68); cho dù Luca đã chứng kiến cái chết của hai vị Tông đồ lớn trong Hội Thánh: Phêrô và Phaolô, nhưng Luca đã không diễn tả ra. Cho dù ở cuối đời,

Phaolô vẫn đang bị tù đày, nhưng Luca đã kết thúc sách Công vụ Tông đồ như sau: “Suốt hai năm tròn, ông Phaolô ở tại nhà ông đã thuê, và tiếp đón tất cả những ai đến với ông. Ông rao giảng Nước Thiên Chúa và dạy về Đức Giêsu Kitô, một cách mạnh dạn, không gặp ngăn trở nào” (Cv 28,30-31).

- d. Luca đang ở trong một hoàn cảnh, các tín hữu mất đi sự hăng say lúc ban đầu, vì thế ông đã ghi lại cho họ thấy sự nồng nhiệt của cộng đoàn tiên khởi thuở ban đầu. Với Công vụ Tông đồ, cộng đoàn tiên khởi trở thành mẫu mực cho mọi cộng đoàn; vì thế sau lễ Phục sinh, hằng năm chúng ta cũng còn được nghe lại gần như trọn sách Công vụ, để được đốt lên lòng hăng say thuở ban đầu của những người nhận được Tin Mừng Phục sinh.
- e. Sách Công vụ Tông đồ không nói đến vấn đề kế nhiệm cũng như việc thiết lập cơ chế và bí tích, là những điểm nổi bật trong các thư mục vụ sau này. Như thế có thể khẳng định, sách Công vụ được trứ tác vào khoảng thời gian Đền thờ Giêrusalem bị tàn phá (năm 70) và phải trước thời Kitô giáo cổ (khoảng năm 100).
- f. Điểm đặc biệt nhất là sách Công vụ chứa một Kitô học cổ (nhất là trong bài nói của Stephanô và Phaolô), vẫn còn trình bày quan niệm người Tôi Tớ Yahvê (Ebed Jahwe) của đoạn Cựu Ước Is 52,13. Chúng ta nhìn lại các tước hiệu được gán cho Đức Kitô trong Công vụ:

TƯỚC HIỆU	SỐ LẦN			
	Cv	Mc	Mt	Lc
Con Người	1 (Cv 7,56)	14	30	25
Đấng Cứu độ (Soter)	2 (5,31; 13,23)	-	-	1 (2,11)
Tôi tớ Thiên Chúa	4 (3,13.26; 4, 7.30)	-	-	-
Con Thiên Chúa	3 (8,37; 9,20; 13,33)	5	9	6
Christus	25	7	17	19
Kyrios (Đức Chúa)	69	18	80	103

Nếu chúng ta chú ý sẽ thấy tước hiệu **Kyrios** được dùng nhiều nhất trong Công vụ so với các tước hiệu khác. Đây cũng là bằng chứng cho thấy, sách Công vụ phải có trước các Phúc Âm Nhất lãm, vì Nhất lãm đã qua một quá trình suy tư về Kitô học.

D. CÁC THƯ KHÁC TRONG TÂN ƯỚC

Quyển Tân Ước gồm 21 lá thư với 6 tác phẩm khác (4 Phúc Âm, Công vụ Tông đồ và Khải Huyền). Như thế không phải tất cả các Tông đồ đều cầm bút để viết cho chúng ta vài điều về Đức Giêsu thành Nazareth. Kế bên thánh Phaolô, chỉ có 4 Tông đồ viết những lá thư mục vụ như sau:

- ✓ Thánh Gioan (3 thư)
- ✓ Thánh Phêrô (2 thư)
- ✓ Thánh Giacôbê (1 thư)
- ✓ Thánh Giuđa Thaddêô (1 thư)

Cũng như với 14 lá thư được gọi là của thánh Phaolô, người ta đã tìm hiểu thư nào chính tay của thánh nhân viết ra, và những lá thư nào xuất hiện sau thời thánh nhân, thì cũng với các thư này, người ta cũng đặt vấn đề: thực sự các thư này có phải do chính tay Tông đồ, được ghi danh ở lời chào đầu, đã viết các lá thư này hay không?

Các lá thư mà chúng ta quen gọi là của các thánh Gioan, Phêrô, Giacôbê và Giuđa, thì chỉ những lá thư Phêrô (1 Pr 1,1; 2 Pr 1,1), thư Giacôbê (Gc 1,1) và thư Giuđa (1) là có nêu danh tác giả rõ ràng. Thư 1 Gioan không nêu danh tác giả, thư 2 và 3 Gioan chỉ tự nhận là “Kỳ mục” (Tôi là kỳ mục – 2 Ga 1,1; 3 Ga 1,1). Sau khi xét về mặt nội dung các lá thư, người ta có thể nói rằng: không thể các Tông đồ viết các bức thư này được, vì trong thời các Tông đồ các vấn đề ghi nhận trong thư chưa xảy ra. Người ta đề nghị giải pháp: “Thư ký của Tông đồ”, hoặc là tác giả đã ghi lại những gì các Tông đồ đã nói, hay đã viết lại bài giảng của các ngài thành lá thư. Cách giải thích này cho thấy sự âu lo, nếu như thay đổi tên tác giả sẽ làm mất thế giá của lá thư. Và cũng chính lý do này, tức là để làm cho bức thư có thế giá, các tác giả đã mượn danh một Tông đồ để giúp cho Kitô hữu tin tưởng. Đây cũng là việc làm thông thường trong các sách Cựu Ước. Thế nhưng tên tác giả không đảm bảo cho sự quan trọng là linh hứng và mặc khải chứa đựng trong lá thư. Chính vì nhận ra mặc khải mà Hội Thánh đã công nhận sách này hay thư kia vào kinh bộ, còn các sách khác thì bị loại, dù đó là “Phúc Âm theo thánh Phêrô”, “Phúc Âm theo thánh Thomas”...Nếu các thư này được viết vào khoảng từ năm 70 đến năm 120 scn, thì thuyết “Thư ký các Tông đồ” cũng khó chấp nhận, vì với thời gian như thế thì thế hệ thứ hai cũng đã qua đời. Vì thế chúng ta phải quen dần việc xem các tác giả này là những Kitô hữu vô danh, cảm thấy có trách nhiệm đối với sự tinh tuyền của Lời Chúa và đấu tranh chống lại mọi sai lạc bắt đầu xuất

hiện trong cộng đoàn, có thể làm mất đi truyền thống niềm tin nguyên thủy, nên đã cầm bút và đặt tên lá thư của mình với danh hiệu một Tông đồ.

Trong các thư được thu tập, ngoài các thư chính thức được công nhận là của thánh Phaolô, người ta chia những thư còn lại làm hai nhóm như sau:

◆ **Thư Mục Vụ**

- ✓ thư thứ nhất gửi cho Timôthê
- ✓ thư thứ hai gửi cho Timôthê
- ✓ thư gửi cho Titô

◆ **Thư Công giáo**

- ✓ Thư Do Thái
- ✓ Thư Giuđa
- ✓ Thư thứ nhất của thánh Phêrô
- ✓ Thư thứ hai của thánh Phêrô và
- ✓ Ba thư của thánh Gioan

Thuật ngữ **Thư Mục vụ** (Pastoralbriefe – Hirtenbriefe) do nhà thần học Tin Lành Paul Anton (1661-1730) dựa vào những vấn đề chung được gặp trong các thư này – hướng ý đến việc cai quản của các mục tử và lãnh đạo trong cộng đoàn – nên đã gọi chung là Thư mục vụ. Còn thuật ngữ **Thư công giáo** đã được thánh Eusêbiô thành Cêsarêa (263-399) sử dụng trong quyển lịch sử Hội Thánh của ngài (2,23,25; 5,18,5); “công giáo” ở đây có nghĩa là “được toàn thể Hội Thánh khắp mọi nơi đều biết đến”. Không phải vì cộng đoàn này hay cộng đoàn kia công nhận mà có tên là thư công giáo, nhưng sự thật là các thư này không viết cho một cá nhân hay cho một cộng đoàn nào xác định, nhưng cho mọi Kitô hữu.

Những nhận định ngày nay về các lá thư này:

1. Cách sử dụng từ

Điểm đặc biệt mà người ta dễ nhận thấy là cách dùng từ trong các thư này. Các lá thư này có tất cả 848 từ quen dùng (trừ 54 tên riêng). Có 360 từ không gặp trong các thư của thánh Phaolô. Vì thế các thư mục vụ không thể nào do thánh Phaolô viết được, vì cách hành văn và dùng từ rất khác với thánh Phaolô. Cũng như trong thư Do Thái, có 168 từ được gặp trong các tác phẩm Tân Ước khác, nhưng lại thiếu đến 124 từ trong thư thánh Phaolô. Như thế thư Do Thái không thể nào do thánh Phaolô viết được.

2. Nội tại thần học

Các thư mục vụ cũng như thư Công giáo không cùng đứng trên một bình diện thần học như các thư thánh Phaolô; mục đích các thư này là **luân lý**. Người ta thấy các thư này viết cho thế hệ thứ hai hay thế hệ thứ ba của Kitô giáo. Các đề tài luân lý nổi bật hơn đề tài thần học: đạo đức và tu thân, tình huynh đệ, sẵn sàng giúp đỡ và vâng phục đối với người lãnh đạo cộng đoàn. Người ta thấy rõ sự hăng hái thuở ban đầu đã mất. Sự bình lặng sống đạo trong cộng đoàn là vấn đề chính của các lá thư.

3. Nấu tranh với các lạc giáo

Trong các lá thư Mục vụ cũng như Công giáo, chúng ta thấy rõ sự đấu tranh để chống lại các dạng của lạc thuyết Thông tri (Gnosis) và các lạc thuyết từ nhóm Judeo-Christen, muốn Do Thái hóa Kitô giáo. Những vấn đề này chỉ có thể xảy ra sau thời thánh Phaolô (tức là sau năm 70 scn). Điểm nhấn là phải quay về với “Giáo lý vững mạnh”, “lời đáng tin”. Ở đây không phải là thẩm quyền của các Tông đồ, nhưng là truyền thống vững chắc và được công nhận của cộng đoàn Kitô giáo.

4. Hoàn cảnh nội bộ

Sự nồng nhiệt mong chờ Chúa đến cận kề ở thế hệ thứ nhất đã chìm lắng. Các đặc sủng không còn thấy xuất hiện. Hội Thánh hiện dần như một cơ chế càng ngày càng rõ nét với các thứ bậc. Cơ cấu của cộng đoàn đạt đến mức cuối: các thừa tác vụ (Giám Mục, kỳ mục, Phó tế) đã được thiết lập vững vàng và được cộng đoàn chấp nhận. Thời Tông đồ với các đặc sủng đã qua, thời kỳ Kitô giáo cổ bắt đầu. Dù vậy, người ta cũng đọc được hoàn cảnh bị bách hại trong các cộng đoàn.

Thư	Xuất xứ
1 Timôthê	Êphêsô hay Rôma?
2 Timôthê	Êphêsô hay Rôma?
Titus	Creta?
Do Thái	Alexandria? Tiểu Á?
Giacôbê	Palestina hay Tiểu Á?
Giuda	Syria hay Tiểu Á?
1 Phêrô	Rôma (5,13)?
2 Phêrô	Ai Cập?

Ê. CÁC TÁC PHẨM MANG TÊN GIOAN

Trong quyển Tân Ước có 5 tác phẩm mang tên của thánh Tông đồ Gioan, người môn đệ Chúa yêu:

- ✓ Một Phúc Âm
- ✓ Ba lá thư và
- ✓ Sách Khải Huyền

Việc cho tác giả 5 tác phẩm này là thánh Gioan Tông đồ đã có từ lâu. Nhất là khi cho “Người môn đệ Chúa yêu – Ga 13,23; 19,26.35” là tác giả thực sự đã có từ lâu, nhưng vào thế kỷ 19, từ năm 1820 khởi đầu với K.G.Bretschneider, người ta đi tìm hiểu “người môn đệ Chúa yêu” này là ai? Từ đó nảy sinh rắc rối. Có người cho là Lazarô, người khác lại cho đó là Jean-Marc, hay một tư tế tại Giêrusalem, hay một người bạn thân với Đức Giêsu ...hay nói như A.Loisy, người này biểu trưng cho mọi tín hữu.

Có thể nói vào cuối thế kỷ thứ II mọi người đều cho tác giả 5 tác phẩm này là của thánh Gioan Tông đồ. Khoảng năm 180, Irênê thành Lyon xác nhận (*Adversus haereses* 3,1,1) và ngài cũng xác nhận chính thánh Gioan đã trứ tác các tác phẩm này tại Ephêsô. Eusêbiô thành Cesarêa (*Lịch sử Hội Thánh* 3,23,6;6,14,5-7) dẫn chứng Polycarpe, Giám Mục Êphêsô (+190) và Clément thành Alexandria (+215). Cuối cùng là Canon de Muratori cũng ghi chép như thế.

1. Phúc Âm Gioan

Clément thành Alexandria gọi Phúc Âm thứ 4 là Phúc Âm tinh thần. Phúc Âm thánh Gioan có một nét khác hẳn với các Phúc Âm Nhất lãm. Gioan triển khai một thần học biểu trưng tập trung vào con người Đức Giêsu, Đấng mặc khải của Thiên Chúa Cha, đã sai Thánh Thần đến và đề nghị một giới luật yêu thương. Chủ ý của tác giả (20,30-31) hình như để củng cố đức tin cho những Judeo-Christen vừa bị Công nghị Do Thái loại ra khỏi tôn giáo cổ này. Niềm tin vào Đức Giêsu Kitô, Đấng được Thiên Chúa sai đến, phải được củng cố để đương đầu với những khó khăn của chính anh em mình muốn quyết tâm ở lại với Do Thái giáo.

Cộng đoàn nơi xuất phát quyển Phúc Âm, có lẽ do Gioan thành lập, lý do những cảm nghiệm gặp gỡ với Đức Giêsu thành Nazareth rất gần gũi và phải do một ai đó đã biết Người rất rõ ràng, người đó không ai khác hơn là 2 người con Zêbêđê. Sau khi Gioan mất, truyền thống và kinh nghiệm của Gioan còn lưu lại trong ký ức cộng đoàn. Nhưng cộng đoàn đang gặp khó khăn. Qua mạch văn, chúng

ta thấy cộng đoàn đang có những kẻ đến giảng những điều sai lạc, hình như mang dấu ấn của phái Áo ảnh, phái Thông Tri và của cả nhóm Ebionite. Chính trong hoàn cảnh đó, Phúc Âm được viết để làm sống lại niềm tin chính thống vào Đức Giêsu Kitô như Hội Thánh tin, đồng thời cũng nhấn mạnh đến sự hiệp nhất trong cộng đoàn.

Cộng đoàn cũng đang bị cuộc bách hại khởi xướng từ hoàng đế Nero, gây khó khăn. Chúng ta có thể thấy được những khó khăn này trong các đoạn Ga 15,18-20; 16,2: những người Do Thái loại Kitô hữu ra khỏi cộng đoàn của họ vì cho Kitô hữu là phạm thượng và gây rối trong đạo, và dựa theo người ngoại giáo để kết án Kitô hữu là vô thần.

Dựa theo những dữ kiện trên, người ta có thể kết luận, Phúc Âm thánh Gioan phải được viết sau năm 100.

2. Ba lá thư của Gioan

Dù trong lá thư thứ nhất không nêu tên tác giả, nhưng dựa vào giọng văn, người ta vẫn cho tác giả thư này là thánh Gioan Tông đồ. (Ngày nay người ta gọi là theo truyền thống của Gioan, hay thuộc về cộng đoàn của Gioan). Với nội dung thật khó mà gọi đây là một lá thư; có thể nguyên thủy là một bài giảng, một lời cảnh cáo... Tác giả thấy độc giả của mình đang bị các lạc giáo hoành hành; chúng ta không rõ họ là Do Thái hay người ngoại giáo, nhưng họ tự xưng là Kitô hữu. Trong cuộc đối kháng, chúng ta thấy họ là những người của nhóm Thông tri vì chối bỏ cuộc nhập thể của Đức Giêsu Kitô. Từ đó thập giá đối với họ cũng không có giá trị; họ cũng phủ nhận Tiệc thánh. Các đối thủ này cũng có thể là nhóm Docétisme (Áo ảnh thuyết). Tác giả gọi họ là “ngôn sứ giả” (4,1) là kẻ “phản Kitô” (2,1). Cần phải có một sự phân biệt rõ ràng giữa người mang lạc giáo và độc giả của thư.

Người ta dựa vào cách nói về Bí tích Rửa tội cũng như bí tích Thánh Thể để khẳng định Phúc Âm thứ tư và thư 1 Gioan có cùng một tác giả. Dù là vô danh, nhưng tác giả đẩy mạnh truyền thống của Gioan trong cộng đoàn của mình. Trong Phúc Âm, tác giả xoay quanh vấn đề đức tin – vô tín, còn trong thư 1 là vấn đề đức tin – lạc giáo. Người ta cho rằng thư 1 Gioan xuất xứ từ bên phương đông.

Trong thư 2 và 3, tác giả gọi mình là “Kỳ mục - presbyteros”. Hai lá thư thật ngắn ngủi. Thư thứ 2 gửi cho Bà được tuyển chọn (elektê kuria), thật ra đó là cách tác giả gọi cộng đoàn của mình. Nội dung thư không có gì mới, nhưng nhắc nhở sự cần thiết của bác ái huynh đệ và cẩn thận trước những kẻ dạy điều sai lạc. Thư thứ 3 Gioan gửi cho một người trong cộng đoàn; cộng đoàn này, dưới sự đè nén độc tài của Dioréphes, đã đứng lên chống đối và từ chối đón nhận những người rao giảng du hành; Gaius, người nhận thư, ngược lại, đã đón nhận; tác giả viết thư động viên thái độ trung tín của ông. Thật khó mà xác định đây là việc tranh chấp cơ cấu hay là Dioréphes đã nói những gì bị nghi ngờ là lạc đạo.

Từ thời Irênê, người ta nhận cả ba lá thư đều do thánh Gioan Tông đồ viết. Ngày nay thì khó chấp nhận. Hai thư cuối chỉ ghi nhận tác giả là “kỳ mục” làm người ta liên tưởng đến một ông Gioan hoạt động ở Tiểu Á vào cuối thế kỷ thứ I, như Papias đã nói.

3. Sách Khải Huyền của Gioan

Văn chương Khải Huyền bùng lên khi các ngôn sứ nằm xuống. Có nhiều đặc điểm về thể văn này:

- a. Đây là thời kỳ loạn ly, dân chúng tan tác, có thể là bị bách hại, là thời kỳ tử đạo nơi Kitô giáo; vì tác giả viết để chống đối lại chính quyền độc ác, nên phải viết bằng hình ảnh biểu trưng, bằng các biểu tượng, các con số, có lẽ mọi người đồng đạo vào thời đó đều có thể hiểu.

- b. Tác giả viết để động viên đồng đạo đang bị bách hại của mình. Tác giả nói về sự chiến thắng cuối cùng của Thiên Chúa, và sự chiến thắng này sẽ là nguồn động viên để các đồng đạo vượt qua thời khó khăn, chịu đựng được sự bách hại nhờ xác tín vào chiến thắng của Đức Kitô.
- c. Vì là thời thế nhiễu nhương, nên tác giả thường ẩn danh, vay mượn lấy tên vị Tông đồ nào đó hay một ngôn sứ, một danh nhân xưa cũ. Tỉ như Khải Huyền Henoch...
- d. Thời gian của thể văn Khải Huyền kéo dài từ thế kỷ II tcn đến thế kỷ thứ II scn.

Khải Huyền của thánh Gioan rơi vào thời kỳ này, nên tên của thánh Gioan cũng được đặt vấn đề. Câu Kh 1,19 có lẽ là cách phân đoạn cho quyển sách: “Vậy người hãy viết những gì đã thấy, những gì đang diễn ra và những gì sẽ xảy ra sau này.” Ngoài lời mở đầu (1,9-20), tiếp đến là 7 lá thư gửi các Hội Thánh ở Tiểu Á; sách đi vào phần chính (chương 4-22) gồm các đoạn:

- ✓ loan báo ngày xử phạt sẽ đến (chương 4-11);
- ✓ cuộc chiến giữa Phản Kitô và Hội Thánh, chấm dứt với sự tiêu diệt Babylon [Rôma] (chương 12-18);
- ✓ Chiến thắng cuối thời (19,1-22,5)

Phần kết (22,6-21) với lời đòi hỏi mới, rao giảng điều đã thấy, nhưng không đóng ấn, vì ngày kết thúc đã đến gần (22,10; 22,20).

Tác giả tự gọi mình là Gioan (1,1.4; 22,8), nhưng lại nhấn mạnh: “*Tôi là Gioan, một người anh em của anh em, tôi cùng chia sẻ nỗi gian truân, cùng hưởng vương quốc và cùng kiên trì chịu đựng với anh em trong Đức Giêsu*” (1,9). Thực ra tác giả, như các sách Khải Huyền khác, đều ẩn danh. Từ thế kỷ thứ II các Giáo phụ đều cho tác giả sách Khải Huyền là thánh Gioan Tông đồ. Nhưng đây là thời bách hại nặng nề, có phải là thời bách hại dưới triều hoàng đế Neron? hay xa hơn?. Một thời gian lâu như thế chắc chắn thánh Tông đồ Gioan không thể sống đến ngày đó được. Người ta cũng nghĩ đến vị Kỳ mục Gioan hoạt động tại Tiểu Á như Papias được Eusebiô trưng dẫn. Điều này cũng không có chứng cứ.

Tác giả sách nói: “*Lúc ấy, tôi đang ở đảo gọi là Patmos, vì đã rao giảng Lời Thiên Chúa và lời chứng của Đức Giêsu*” (1,9). Patmos là một đảo nhỏ, nằm ở bờ biển phía Tây Tiểu Á, cũng là nơi La Mã nhốt tù của mình. Có thể tác phẩm được xuất xứ tại đảo này. Truyền thống cũng dựa vào đó cho rằng, cuối đời thánh Gioan Tông đồ đã chết tại đảo Patmos này.

Về thời gian trừ tác rất khó xác định. Hình như tác giả nhìn lại cuộc bách hại đã diễn ra và còn chờ một cuộc bách hại dữ dội hơn nữa. Có lẽ đây là trường hợp bách hại dưới triều hoàng đế Domitian (81-96 scn). Vị hoàng đế này ra lệnh dựng tượng của ông ở nhiều nơi trên đế quốc, trong đó có thành Êphêsô, và bắt dân chúng phải dâng hương thờ cúng ông. Thị kiến về Con Thú thứ hai (13,11-18) cho thấy điều mà hoàng đế Domitian đã làm: “Nó được quyền thổi thần khí vào tượng Con Thú, khiến tượng Con Thú cũng nói được và ra lệnh giết những ai không thờ lạy mình” (c.15). Như thế thì đúng như Irênê viết, tác phẩm Khải Huyền được viết sau thời Hoàng đế Domitian cai trị, tức là sau năm 100.

30				
40				
50				
60	Thư Phaolô			
70		Mc & Mt & Lc	1&2 Pr Gc Gđ	
80	Thư Dt	Cv		
90				Gioan
100	1&2 Tm Titô			
110				

PHỤ LỤC I

XÁC ĐỊNH KINH BỘ TÂN ƯỚC

Ngày nay, người Kitô hữu nhận có 27 tác phẩm trong quyển Tân Ước. Thật ra đối với người Do Thái hay Kitô hữu, chỉ quyển **Sách Thánh** mà thôi. **Léliton de Sardes** (170) là người đầu tiên sử dụng từ “Cựu Ước” và **Tertullien** (200) là người đầu tiên sử dụng từ “**Tân Ước**”. Sự khác biệt nằm trong cách giải thích các sách này. Đối với Kitô hữu, Đức Giêsu là Đấng làm trọn lời hứa của Cựu Ước (“Tất cả sự việc này đã xảy ra, là để ứng nghiệm lời xưa kia Chúa phán qua miệng ngôn sứ” Mt 1,22; 2,5. 15.17.23). Cách đọc Thánh Kinh như thế, dựa vào lời của Đức Giêsu; như thế ngoài thế giá của sách Thánh, “lời Chúa” trở thành điều quan trọng (1 Tx 4,15; 1 Cr 7,10-11). Điều Đức Giêsu đã làm, đã nói được những kẻ cùng sống với Người truyền đạt lại cho thế hệ mai sau, bắt đầu bằng truyền khẩu, sau đó đã có người thu chép trở lại. Các bản văn được thu tập (2 Pr 3,15) dùng để củng cố đức tin và động viên các tín hữu trong thời kỳ bị bách hại. Đương nhiên thuở ban đầu các lời này chưa có thế giá như sách Thánh.

Khi các thu tập này càng ngày càng nhiều, người ta thấy cần phải tuyển lựa lại. Một yếu tố quan trọng cho việc tuyển lựa là tính tông truyền (l’apostolicité) trong các bản văn này. Cũng như các ngôn sứ loan báo Đức Giêsu dưới tác động của Thánh Thần (2 Pr 1,20-21) thì nhóm 12 (cùng với thánh Phaolô) ngày nay làm chứng sự hoàn tất cũng dưới tác động Thánh Thần. Đó là các Tông đồ Mt, Mc và Lc (là những người sống gần gũi với thánh Phêrô và thánh Phaolô), rồi Phêrô, Gioan, Giacôbê và nhóm 12. Nhiều Giáo phụ cũng nói “Các Tông đồ và những người kế nhiệm các Đấng” (Justin). Điểm quyết định là đặc tính nguyên thủy của truyền thống; điều quan trọng là việc gắn kết với Đấng sáng lập đạo. Còn những tiêu chuẩn khác có thể là tính tông truyền địa phương hay tính chính thống của các bản văn.

Về việc xác định Kinh Bộ Tân Ước

Lá thư 1 của Clément de Rôma (năm 96) đã cho thấy những nguyên tắc cho Kinh Bộ Kitô giáo. Các lời rao giảng của Đức Kitô và các Tông đồ, do truyền khẩu hay văn bản, được đặt chung với các tác phẩm Cựu Ước có cùng một giá trị.

Trong Thư Barnabé (l’Épître de Barnabé – khoảng 70-100) và sách Didachè người ta khám phá ra được một số đoạn mà đọc giả có thể rất quen thuộc với truyền thống Tin Mừng và một số sách.

Ignace d’Antiochie (35-107) đã xem không những giáo huấn của Đức Giêsu mà cả lời rao giảng của các ngôn sứ và lời dạy dỗ của các Tông đồ đều có giá trị chuẩn mực (normatif).

Một khúc quanh quan trọng trong việc hình thành Kinh Bộ Tân Ước chính là Marcion (144). Ông phủ nhận Cựu Ước; chỉ chấp nhận một quyển Phúc Âm [đó là quyển ngắn của Luca] và các tác phẩm của thánh Phaolô mà thôi [không nhận thư Do Thái]. Ông chia quyển Tân Ước ra làm đôi: Phúc Âm và Tông đồ. Rõ ràng Marcion đã đi ngược lại với truyền thống Hội Thánh, thế là ông ta gặp phải phản ứng mạnh mẽ. Justin và Irênê giữ vai trò quan trọng trong việc đấu tranh này. Không đá động đến Kinh Bộ, Irênê đã liệt kê các sách Thánh, trước tiên là Cựu Ước, tiếp đến các tác phẩm viết về Đức Giêsu mà ông cho là có linh hứng và có giá trị chuẩn mực.

Các Hội Thánh địa phương bấy giờ mới bắt đầu liệt kê các sách thánh của mình. Một danh sách rất quen thuộc, đó là **Canon de Muratori**, một danh sách của Rôma được xác định vào khoảng 165-185. Canon này liệt kê các sách thánh như sau: 4 Phúc Âm, Công vụ Tông đồ, các thư thánh Phaolô

(trừ thư Do Thái), thư Giuđa, 1-2 Ga, Khải huyền thánh Gioan, Khải Huyền của thánh Phêrô và sách Khôn Ngoan.

Vào thế kỷ thứ II và III, có nhiều danh sách xuất hiện. Nhiều người nhận thư Barnabê (Clément d'Alexandrie), Mục tử Hermas [Pastor Hermas] (Irênê de Lyon), Khải Huyền thánh Phêrô (Canon de Muratori, Clément d'Alexandrie).

Vị linh mục Caius chống đối các tác phẩm của Gioan, vì phải phản ứng chống lại nhóm Montanisten. Nhiều người không chấp nhận thư Do Thái (Canon de Muratori) hay không nhận là của thánh Phaolô (Hippolit de Rome, Tertullien). Nhiều tranh luận về các lá thư Giacôbê, Giuđa, 2 Phêrô, 2-3 Gioan.

Nhưng dần dần thì cũng đưa đến việc thống nhất. Ở phương đông, Athanase d'Alexandrie (367) đã đưa ra một danh sách gồm 27 tác phẩm Tân Ước; bên phương tây, Décretum Damasi xuất xứ từ công nghị Rôma vào năm 382 cũng có danh sách tương tự như thế. Vào cuối thế kỷ thứ IV, Kinh bộ với 27 tác phẩm đã được công nhận rộng rãi trong Hội Thánh,

Trong cuộc Cải Cách, Luther cho các thư Do Thái, Giacôbê, Giuđa và Khải Huyền có giá trị thấp hơn các sách khác. Công đồng Tridentinô (1546) công khai xác định kinh bộ của khối công giáo.

Chúng ta đang cầm một quyển Kinh Thánh trong tay, với những cách chia thành chương và thành câu cú. Việc chia này tương đối cũng còn mới.

Việc chia thành chương là do Đức Tổng Giám Mục thành Cantorbéry, **Étienne Langton**, lần đầu tiên đã chia Thánh Kinh Cựu Ước lẫn Tân Ước theo từng chương vào năm **1204**.

Vào năm 1555, nhà xuất bản người Pháp tên là **Robert Estienne**, đã chia mỗi chương thành từng câu.

Từ bản Vulgata được chia theo cách này, nên từ năm **1661**, tất cả các bản dịch ra tiếng địa phương, cả bản văn Thánh Kinh tiếng Hipri, cũng được chia thành từng chương, từng câu như thế.

Người Do Thái đã biết chia sách Ngũ thư của họ ra từng phần để sử dụng trong Đền thờ và nhất là ở Hội Đường. Những đoạn như thế được gọi là **paraseh**. Quyển Ngũ thư có thể được chia ra làm 54 paraseh để sử dụng cho một chu kỳ là một năm trong Hội Đường. Họ cũng có thể chia thành 154 paraseh cho một chu kỳ 3 năm. Ngoài Ngũ Thư, người ta còn đọc thêm một đoạn sách ngôn sứ được gọi là **haphtar**; nhưng **haphtaroth**, không phải là trọn bộ ngôn sứ, nhưng chỉ là những đoạn ngôn sứ được tuyển chọn. Ngoài cách chia theo phụng vụ, người Do Thái cũng biết một cách chia khác cho cả quyển Thánh Kinh Cựu Ước. Để sử dụng hằng ngày, người ta chia cả cuốn sách ra làm 446 đoạn, được gọi là **sedarim**. Người Do Thái cũng biết cách chia theo từng câu, tỉ như sách Talmud đã chia quyển Ngũ Thư ra làm 5888 câu.

PHỤ LỤC 2

NGŨ THƯ (APOKRYPHÉN)

Anh em Tin Lành dùng từ Apocryphes để gọi những quyển sách Thánh không thuộc về kinh bộ của họ, những quyển sách mà người Công giáo chúng ta gọi là Đệ Nhị Kinh Bộ. Đó là 7 quyển sách không có trong Kinh Thánh người Do Thái: Tobia, Judith, 1&2 Maccabê, sách Khôn Ngoan, Giảng viên, Baruch; ngoài ra còn có những đoạn như sau: 7 chương cuối của sách Esther (chương 10-16); bài

ca ba người trẻ trong lò lửa, câu chuyện bà Suzanna, câu chuyện thân Bel và con rắn, tức là những đoạn Đn 3,23-90; chương 13-14.

Ngụy thư dùng để dịch chữ **apokruphos** của tiếng Hy Lạp, có nghĩa là “ẩn kín”, “bí mật”, đối lại với từ **koinos**, công khai. Đó là những sách không được nhận vào Kinh bộ, dù tác giả cố minh chứng tính linh hứng và thường được gán cho tên một vị Tông đồ đáng kính. Như ở trên về Kinh bộ, chúng ta thấy tiêu chuẩn để chọn sách Thánh là tính Tông truyền, từ những chứng nhân gần gũi với Đức Giêsu; các sách có nội dung giống truyền thống đức tin của Hội Thánh.

Khi xét về các ngụy thư, chúng ta thấy có những điểm như sau:

1. Tích cớ

Ngay trong lời tựa của quyển Phúc Âm thánh Luca đã viết: “Có nhiều người đã ra công biên soạn bản tường thuật những điều đã được thực hiện giữa chúng ta. Họ viết theo những điều mà các người đã được chứng kiến ngay từ đầu và đã phục vụ lời Chúa truyền lại cho chúng ta” (Lc 1,1-2). Hay như thánh Gioan đã viết: “Đức Giêsu đã làm nhiều dấu lạ khác nữa trước mặt các môn đệ; nhưng những dấu lạ đó không được ghi chép trong sách này” (Ga 20,30). Có lẽ những ngụy thư đã cố gắng ghi lại những điều chưa ghi chép? Những lời của Đức Giêsu chưa được ghi nơi nào cả. Sự nồng nhiệt thuở ban đầu làm cho mọi kitô hữu khao khát biết thật nhiều về Đức Giêsu; có lẽ để đáp ứng những khao khát này, người ta đã viết và viết thật nhiều. Ngụy thư cũng có những giá trị như cho thấy lòng khao khát của tín hữu, lòng tin bình dân. Ngày nay chúng ta quá quen với việc thánh Giuse cầm cây bông huệ; hay vẫn dâng thánh lễ kính việc Đức Maria dâng mình vào Đền Thờ hay tên của cha mẹ Đức Maria ...tất cả những chuyện đó đều được rút từ các ngụy thư ! Ngày nay dù không thuộc về Kinh Bộ, nhưng người ta vẫn nghiên cứu các ngụy thư này.

2. Tiêu cớ

Có lẽ Origène là người phê bình gay gắt nhất với các sách ngụy thư.. Ông nói: “Chúng ta biết rất nhiều sách bí mật được những kẻ xấu xa soạn thảo, những người gây rối và những kẻ lạc đạo, như đệ tử của Basilide. Chúng ta cũng biết có nhiều sách bí mật (secretata) được đặt dưới tên các thánh (quae feruntur in nomine sanctorum), được người Do Thái biên soạn để phá huỷ chân lý sách Thánh và để dựng nên những giáo lý sai lệch. Theo luật chung, chúng ta không được phép quăng đi tất cả, nhưng có thể rút ra những điều hữu ích để làm rõ sách Thánh. Cần phải có một lý trí khôn ngoan để hiểu và áp dụng lời dạy của Chúa: phải thử thách tất cả, chỉ giữ lại những điều tốt” (In Matt comm.ser. XXVIII). Đối với nhiều Giáo phụ, loại sách này đều là lời nói dối, nguy hiểm và cần phải lên án. Origène nói: “Các sách này được gọi là ngụy thư, vì người ta gặp trong đó nhiều điều hư hoại và nghịch lại với niềm tin chân chính”.

Đó là hai thái độ của Hội Thánh đối với các sách ngụy thư. Trong quyển “Dictionnaire encyclopedique de la Bible” do Centre: Information et Bible, Abbaye de Maredsous, xuất bản năm 1987, cho chúng ta 71 quyển ngụy thư của Cựu Ước và 58 quyển ngụy thư thuộc Tân Ước.

Những ngụy thư quan trọng thuộc Tân Ước gồm có:

- ◆ **Phúc Âm ngụy thư**
 - ✓ Phúc Âm của người Nazareth
 - ✓ Phúc Âm của những người Ebionites
 - ✓ Phúc Âm của người Do Thái
 - ✓ Phúc Âm Giacôbê

- ✓ Lịch sử thơ ấu của Chúa, theo Thomas, người Do Thái
- ✓ Công tác của Pilatus (cũng được gọi là Phúc Âm của Nicodê mô)
- ✓ Phúc Âm thánh Phêrô
- ✓ Phúc Âm của người Ai Cập
- ✓ Phúc Âm thánh Thomas
- ✓ Phúc Âm thánh Philipphê
- ✓ Phúc Âm chân lý

◆ **Công vụ Tông đồ ngụ thư**

- ✓ Công vụ Phêrô
- ✓ Công vụ Phaolô
- ✓ Công vụ Gioan
- ✓ Công vụ Andreas
- ✓ Công vụ Thomas

◆ **Các thư**

- ✓ Trao đổi thư từ giữa Abgar thành Edessa với Đức Giêsu
- ✓ Epistola Apostolorum
- ✓ Thư Corinthô thứ 3
- ✓ Thư cho người Laodicêa
- ✓ Trao đổi thư giữa thánh Phaolô và Seneca
- ✓ Thư Barnabas

◆ **Khải Huyền ngụ thư**

- ✓ Cuộc lên trời của ngôn sứ Isaia
- ✓ Khải Huyền của thánh Phêrô
- ✓ Khải Huyền của thánh Phaolô
- ✓ (Pastor Hermas)